

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LƯƠNG SƠN
TỈNH HÀ BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03 /2021/HNGĐ – ST

Ngày: 03/03/2021

V/v: “ Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LƯƠNG SƠN TỈNH HÀ BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Lan Anh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Kim Hợp và ông Trần Ánh Hồng

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Hà Phương Huyền – Thư ký Toà án nhân dân huyện Lương Sơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lương Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Linh – Kiểm sát viên

Vào hồi 8 giờ 30 phút ngày 03 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hoà Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 229 /2020/ TLST - HNGĐ ngày 03/11/2020 về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXST- HNGĐ, ngày 04/01/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị D – sinh năm 1984

Trú tại: Xóm TH, xã CS, huyện LS, tỉnh HB.

Bị đơn: Anh Phạm Văn Th - sinh năm 1985

HKTT: Xóm 2B, xã KN, huyện YK, tỉnh NB.

Chỗ ở hiện nay: Xóm TH, xã CS, huyện LS, tỉnh HB.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 27/10/2020; Văn bản trả lời thông báo thụ lý vụ án, bản tự khai , biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải của nguyên đơn chị Hoàng Thị D trình bày: Chị D với anh Phạm Văn Th tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã KN, huyện YK, tỉnh NB vào ngày 30/11/2012. Quá

trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, lý do anh Th chơi bời, phá phách, chơi lô đề cờ bạc không chịu tu chí làm ăn. Đồng thời chị D và anh Th sống với nhau từ năm 2012 đến nay nhưng vẫn chưa có con dẫn đến cuộc sống vợ chồng áp lực, bế tắc nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, mắng chửi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng không thể hàn gắn được. Hiện nay chị D và anh Th sống ly thân từ năm 2018 đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị D không còn tình cảm với anh Th nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị D và anh Th được ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có con chung. Hiện chị D không có thai nghén gì.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Không có, không đề nghị Tòa giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Văn Th đã được Tòa án tiến hành tổng đạt các văn bản của Tòa cho anh Th như: Thông báo thụ lý vụ án số 229/2020/TB - TLVA ngày 05/11/2020; giấy triệu tập đương sự số 4350/2020/GTT - TA ngày 13/11/2020; Thông báo phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải số 229/TB - TA ngày 03/12/2020; Thông báo hòa giải lần 2 số 229B/TB - TA ngày 18/12/2020. Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 04/01/2021 nhưng không tổng đạt được vì anh Th là lao động tự do, lái xe đường dài nên không thường xuyên có mặt tại gia đình. Do không ghi được lời khai và không tiến hành hòa giải được, Tòa án đã tiến hành lập biên bản không tổng đạt được các văn bản của Tòa và niêm yết công khai các văn bản này theo quy định của pháp luật nhưng anh Th vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ ba không có lý do.

Tại biên bản xác minh ngày 04/12/2020 của đại diện xóm TH, xã CS, huyện LS, Công an xã CS, huyện LS và biên bản lấy lời khai của nhà chị D và gia đình anh Th đều xác nhận chị Hoàng Thị D và anh Phạm Văn Th có đăng ký kết hôn, sau khi kết hôn anh Th và chị D sinh sống tại xóm TH, xã CS, huyện LS, tỉnh HB. Quá trình chung sống, anh chị có xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi chửi nhau. Chị D và anh Th sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Nay chị D có đơn yêu cầu ly hôn với anh Th, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Đại diện của Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do tại phiên họp tiếp cận

công khai chứng cứ và hòa giải ngày 18/12/2020; phiên hòa giải lần 2 ngày 04/01/2021 như vậy bị đơn anh Phạm Văn Th đã từ bỏ quyền của mình theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

- Về nội dung vụ án:

Áp dụng điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào khoản 1 Điều 207, Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 179, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chấp nhận đơn khởi kiện của chị Hoàng Thị D.

- + Xử cho chị Hoàng Thị D và anh Phạm Văn Th được ly hôn.
- + Về con chung: Không có.
- + Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.
- + Về công nợ: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.
- + Về án phí: Chị Hoàng Thị D phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả hỏi tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của các đương sự tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tranh chấp ly hôn giữa chị Hoàng Thị D và anh Phạm Văn Th là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình, anh Phạm Văn Th có HKTT: Xóm 2B, xã KN, huyện YK, tỉnh NB, nhưng qua xác minh tại Công an xã KN và gia đình anh Phạm Văn Th thì anh Th không có mặt tại địa phương, hiện nay anh Thế ở: Xóm Trại Hòa, xã Cao Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phạm Văn Th đã được triệu tập hợp lệ để ghi lời khai, trình bày ý kiến, tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không có mặt theo giấy triệu tập mà không có lý do. Tòa án đã xác minh tại gia đình và nơi cư trú của anh Phạm Văn Th, tiến hành niêm yết và tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh Th vẫn

vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Thế theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị D và anh Phạm Văn Th có đăng kí kết hôn tại UBND xã KN, huyện YN, tỉnh NB vào năm 2012 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Theo chị D trình bày sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Thế chơi bời, cờ bạc, phá phách tài sản nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 đến nay, không quan tâm đến nhau nữa. Nay chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Phạm Văn Th. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án anh Phạm Văn Th biết được chị Hoàng Thị D làm đơn xin ly hôn anh, Tòa án đã tổng đạt và niêm yết xác văn bản của Tòa cho anh Th theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh Th không đến Tòa án làm việc.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị D và anh Th đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung không còn tồn tại. Mặt khác anh Th biết chị D nộp đơn xin ly hôn nhưng vẫn cố tình vắng mặt, không mong muốn hàn gắn để vợ chồng đoàn tụ. Căn cứ vào Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị Hoàng Thị D được ly hôn với anh Phạm Văn Th để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho chị D.

[3]. Về con chung: Vợ chồng không có con chung, hiện nay chị D không có thai nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về công nợ: Không có, không đề nghị Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét..

[6]. Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án chị Hoàng Thị D phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 179, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Hoàng Thị D:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị D được ly hôn với anh Phạm Văn Th.

2. Chị Hoàng Thị D phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002674 ngày 03 tháng 11 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yếu công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình
- Sở tư pháp tỉnh HB;
- VKSND huyện LS;
- Chi cục Thi hành án DS H. LS;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

